TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2026/DS-PT
Ngày: 19 - 5 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 522/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trương Đức V**, sinh năm 1972 và Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: A N, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C N, phường C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1961

Địa chỉ: 1 đường T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 185 L, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Dương Minh L1**, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

** Người kháng cáo*: Bị đơn Ông Nguyễn Hoàng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Thông qua mối quan hệ bà con (ông N là anh bà con cô cậu ruột với ông V) nên ông N đã nhiều lần vay mượn tiền của ông V để trả tiền vay ngân hàng, bổ sung vốn kinh doanh, cụ thể:

- Ngày 09/07/2020: vay mượn số tiền: 200.000.000 đồng.

- Ngày 05/01/2021: vay mượn số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Ngày 18/01/2021: vay mượn số tiền 700.000.000 đồng.

- Ngày 28/04/2022: vay mượn số tiền 700.000.000 đồng.

- Ngày 20/09/2022: vay mượn số tiền 680.000.000 đồng.

- Ngày 19/03/2024: vay mượn số tiền 250.000.000 đồng.

- Ngày 23/03/2024: vay mượn số tiền 50.000.000 đồng.

Tất cả các khoản vay mượn này ông N đã xác nhận nhận đủ số tiền theo văn bản thỏa thuận ngày 23 tháng 03 năm 2024. Theo cam kết ông N sẽ hoàn trả tiền lại cho ông V khi ông V thông báo trước 02 tháng. Kể từ tháng 04 năm 2024 ông V đã nhiều lần nhắn tin cho ông N để yêu cầu ông N hoàn trả lại số tiền nhưng ông N cố ý lẫn tránh trách nhiệm trả nợ.

Nay ông V khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ gốc là: 4.080.000.000 đồng *(Bốn tỷ không trăm tám mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh từ ngày 09/9/2024 đến khi trả xong nợ.

Ngày 09/8/2025, ông V có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông N trả số nợ gốc 3.596.000.000 đồng và lãi cụ thể: theo đơn phản tố ngày 18/12/2024 ông N cũng đã thừa nhận các khoản nợ trên là ông V cho vay có thỏa thuận trả lãi, theo bản xác nhận lãi của ông N ngày 25/06/2024 hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 24%/năm, nay nguyên đơn ông V đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Tổng số tiền lãi các khoản nợ tính đến ngày 29/10/2025 là 3.166.144.658 đồng. Cụ thể:

- Số tiền vay 200.000.000 đồng, từ ngày 09/7/2020 đến ngày 09/10/2025, số ngày 1.938, lãi 20%/năm = 212.383.562 đồng.

- Khoản vay 1.500.000.000 đồng, từ ngày 05/01/2021 đến ngày 29/10/2025, số ngày 1.758, lãi 20%/năm = 1.444.931.507 đồng.

- Khoản vay 700.000.000 đồng, từ ngày 18/01/2021 đến ngày 29/10/2025, số ngày 1.745, lãi 20%/năm = 669.315.068 đồng.

- Khoản vay 700.000.000 đồng, từ ngày 28/4/2022 đến ngày 29/10/2025, số ngày 1.280, lãi 20%/năm = 490.958.904 đồng.

- Khoản vay 680.000.000 đồng từ ngày 20/9/2022, ông N trả nhiều lần, cụ thể:

+ Số tiền 680.000.000 đồng, ngày vay 20/09/2022 đến ngày 07/6//2024, số ngày 626, lãi 20%/năm = 233.249.315 đồng.

+ Ông N đã trả 100.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 580.000.000 đồng, ngày tính lãi 08/6/2024 đến ngày 02/7/2024, số ngày 24, lãi 20%/năm = 7.627.397 đồng.

+ Ông N đã trả 35.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 545.000.000 đồng, ngày tính lãi 03/7/2024 đến ngày 15/10/2024, số ngày 104, lãi 20%/năm = 31.057.534 đồng.

+ Ông N đã trả 65.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 480.000.000 đồng, ngày tính lãi 16/10/2024 đến ngày 29/10/2024, số ngày 13, lãi 20%/năm = 3.419.178 đồng.

+ Ông N đã trả 248.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 196.000.000 đồng, ngày tính lãi 30/10/2024 đến ngày 29/10/2025, số ngày 364, lãi 20%/năm = 39.092.603 đồng.

Đối với khoản vay 250.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, do hai bên không có thỏa thuận về lãi nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm, thời gian tính lãi từ khi khởi kiện ngày 09/9/2024, cụ thể:

- Khoản vay 250.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 09/9/2024 đến ngày 29/10/2025, số ngày 415, lãi 10%/năm = 28.424.658 đồng.

- Khoản vay 50.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 09/9/2024 đến 29/10/2025, 415 ngày, lãi 10%/năm = 5.684.932 đồng.

Bị đơn đã trả lãi theo thỏa thuận lãi ngày 25/6/2024 với lãi suất 24%/năm được tổng số tiền lãi là 943.200.000 đồng, cụ thể:

+ Số tiền 700.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 28/03/2022 đến ngày 28/09/2022, thời gian: 06 tháng, tiền lãi 01 tháng 14.000.000 đồng x 6 tháng = 84.000.000 đồng.

+ Số tiền 700.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 18/01/2021 đến ngày 09/01/2022, thời gian 11 tháng, tiền lãi 01 tháng 14.000.000 đồng x 11 tháng = 154.000.000 đồng.

+ Số tiền 680.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 20/09/2022 đến ngày 20/04/2023, thời gian 07 tháng. lãi 01 tháng 13.600.000 đồng x 7 tháng = 95.200.000 đồng.

+ Số tiền 1.500.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 05/01/2021 đến ngày 06/04/2022, thời gian 15 tháng, tiền lãi 01 tháng 30.000.000 đồng x 15 tháng = 450.000.000 đồng.

+ Số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 160.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi của các khoản vay tính đến ngày 29/10/2025 là 3.166.144.658 đồng trừ đi số tiền lãi mà ông N đã đóng số tiền 946.200.000 đồng, số tiền lãi còn lại mà bị đơn ông N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 2.222.944.658 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 3.596.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/10/2025 là 2.222.944.658 đồng.

** Người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Dương Minh L1 trình bày yêu cầu phản tố:*

Thông qua mối quan hệ bà con nên bị đơn đã nhiều lần vay mượn tiền của nguyên đơn trong giai đoạn từ tháng 7/2020 đến tháng 03/2024, với tổng số tiền nợ gốc là 4.080.000.000 đồng, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn nợ gốc là 484.000.000 đồng, còn nợ lại nợ gốc là 3.596.000.000 đồng, quá trình vay mượn bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng.

Quá trình vay bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền 2.561.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Vì vậy số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn đã vượt quá quy định của pháp luật. Theo quy định của luật thì số tiền lãi bị đơn phải trả cho phía nguyên đơn là 719.200.000 đồng, nhưng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 2.561.000.000 đồng, số tiền này là lãi vượt quá.

Nay bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 1.755.000.000 đồng sau khi đã trừ ra số tiền lãi vượt quá là 1.841.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Nguyên đơn thường cho bị đơn vay đáo hạn ngân hàng với lãi suất trung bình là 0.5%/ngày trên khoản vay. Nên khi bị đơn chưa trả kịp gốc lãi khoản vay đáo hạn thì phía nguyên đơn sẽ cộng dồn khoản vay đáo hạn và lãi vào khoản vay mới. Cụ thể:

- Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 09/07/2020, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn là 100.000.000 đồng và 100.000.000 đồng còn lại là lãi phát sinh của khoản vay khác.

- Khoản vay 1.500.000.000 đồng vay ngày 05/01/2021, nguyên đơn chuyển cho bị đơn 02 lần với tổng số tiền là 587.000.000 đồng, lần 1 chuyển khoản 400.000.000 và lần 2 chuyển khoản 187.000.000 đồng, còn lại 913.000.000 đồng là khoản vay lẻ khác và lãi phát sinh từ các khoản vay khác.

- Khoản vay 700.000.000 đồng ngày 18/01/2021, nguyên đơn chuyển cho bị đơn 2 lần với tổng số tiền là 673.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng là lãi

phát sinh từ các khoản vay lần 1 (lần 1 chuyển 300.000.000 đồng và lần 2 chuyển 400.000.000 đồng).

- Khoản vay 700.000.000 đồng ngày 24/03/2021, khoản vay này thực sự là vay đến 1.000.000.000 đồng, phía nguyên đơn chuyển cho phía bị đơn số tiền thực nhận là 651.000.000 đồng, còn lại 349.000.000 đồng là lãi phát sinh từ các khoản vay khác (trong đó vào ngày 11/03/2022 phía bị đơn chuyển trả trước cho phía nguyên đơn là 300.000.000 đồng) nên khoản vay gốc còn lại là 700.000.000 đồng.

- Khoản vay 680.000.000 đồng ngày 22/9/2022, nguyên đơn chuyển cho phía bị đơn số tiền là 400.000.000 đồng, còn lại 280.000.000 đồng là lãi phát sinh từ các khoản vay khác (trong đó phía bị đơn đã trả cho phía nguyên đơn phần nợ gốc 484.000.000 đồng) nên khoản vay 680.000.000 đồng này phía bị đơn chỉ còn nợ phía nguyên đơn số tiền 196.000.000 đồng.

- Khoản vay 300.000.000 đồng ngày 19/03 đến ngày 23/03/2024, nguyên đơn không chuyển cho phía bị đơn tiền mà trực tiếp trừ vào lãi phát sinh từ các khoản vay khác.

Như vậy, để chứng minh khoản vay gốc thì phía nguyên đơn không thể chứng minh vì các khoản vay này một phần đã cấn trừ vào các phần gốc và lãi của các khoản vay khác.

Số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn:

- Khoản vay 200.000.000 đồng: bị đơn đã chuyển trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 09/07/2020 đến ngày 19/03/2024 với số tiền là 160.000.000 đồng.

- Khoản vay 1.500.000.000 đồng: bị đơn đã chuyển trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 05/01/2021 đến ngày 19/03/2024 với số tiền là 995.000.000 đồng.

- Khoản vay 700.000.000 đồng: bị đơn đã chuyển trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 18/01/2021 đến ngày 19/03/2024 với số tiền là 993.000.000 đồng.

- Khoản vay 700.000.000 đồng: bị đơn đã chuyển trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 24/03/2022 đến ngày 19/03/2024 với tổng số tiền là 310.000.000 đồng.

- Khoản vay 680.000.000 đồng: bị đơn đã chuyển trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 22/09/2022 đến ngày 19/03/2024 với tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà phía bị đơn đã trả lãi thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng (đính kèm sao kê ngân hàng) cho phía nguyên đơn với tổng số tiền là 2.858.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm năm mươi tám triệu đồng*). Bên cạnh đó, phía nguyên đơn đã căn cứ vào Văn bản thoả thuận ngày 23/03/2024 và bản Cam kết trả nợ ngày 25/06/2024 để yêu cầu tính lãi với số tiền lãi là: 2.609.144.110 đồng (*Hai tỷ sáu trăm lẻ chín triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm mười đồng*), điều này là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẻ:

+ Tại Mục 1 trang 2 của Văn bản thoả thuận ngày 23/03/2024 các bên đều thừa nhận "*khoản tiền mượn trên không có lãi suất*".

+ Tại Cam kết trả nợ lập ngày 25/06/2024 chỉ thể hiện ông N sẽ cam kết thu hồi công nợ để trả cho vợ chồng ông V và bà L, không thể hiện việc thoả thuận lãi suất 20%/năm.

+ Không có khoản vay gốc cụ thể: Phía nguyên đơn không chứng minh được khoản vay gốc cụ thể, nên không có cơ sở để tính lãi.

+ Các khoản vay gốc mà phía bị đơn thừa nhận: Đã bao gồm tiền từ các khoản vay cũ + lãi đáo hạn + lãi + cấn trừ vào các khoản vay khác.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 222/2025/DS-ST ngày 03/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ đã tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đức V, bà Phan Thị L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trương Đức V, bà Phan Thị L tổng số nợ gốc và lãi là 5.818.944.658 đồng *(Năm tỷ tám trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)*. Trong đó nợ gốc là 3.596.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu đồng)*, nợ lãi là 2.222.944.658 đồng *(Hai tỷ hai trăm hai hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

Ngoài ra, ông N còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tính từ ngày 30/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* *Ngày 18/11/2025*, bị đơn ông Nguyễn Hoàng N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung đề ngày 09/8/2025 về việc tính lãi của nguyên đơn. Đồng thời, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc khấu trừ phần tiền lãi bị đơn đã trả là 1.841.000.000 đồng. Do vậy, bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét theo đó bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn lại sau khi khấu trừ là 1.755.000.000 đồng.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay*:

* *Đại diện bị đơn*: Thay đổi một phần kháng cáo, đồng ý trả đối với phần nợ gốc, về phần nợ lãi yêu cầu nguyên đơn giảm mức tính lãi từ 20% năm xuống còn 10%.

* *Đại diện nguyên đơn*: Do bị đơn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ kéo dài quá lâu nên bà không đồng ý việc giảm lãi cho bị đơn vì phía bị đơn không có thiện chí trả nợ.

* *Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày*:

Do bị đơn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ kéo dài quá lâu nên nguyên đơn không đồng ý việc giảm lãi cho bị đơn vì phía bị đơn không có thiện

chí trả nợ nên không có sơ sở giảm. Tuy nhiên, nếu bị đơn có thiện chí trả nợ thì trong giai đoạn thi hành án nguyên đơn sẽ xem xét giảm. Đề nghị, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ Y bản án sơ thẩm.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin giảm lãi 10%/năm nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên chưa có cơ sở giảm lãi 10%/năm. Bị đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ Y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại phường T, thành phố Cần Thơ, nên Toà án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật.

Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[2.1] Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản, trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2024, theo đó nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền nợ gốc bị đơn nợ nguyên đơn là 3.596.000.000 đồng, sự thừa nhận này được xem là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 3.596.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận lãi cụ thể. Tuy nhiên dựa trên số tiền lãi tại giấy viết tay ngày 25/6/2024 có chữ ký, ghi họ tên bị đơn, bị đơn xác định hai khoản vay 700.000.000 đồng, 680.000.000 đồng, 1.500.000.000 đồng, 200.000.000 đồng có mức lãi suất là 2%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, chính bị đơn cũng xác định đã trả lãi cho nguyên đơn số

2.561.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở để xác định, hai bên thỏa thuận lãi suất của các khoản vay này là 24%/năm như nhận định của cấp sơ thẩm là phù hợp.

[2.3] *Về thời gian tính lãi:* căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, nên căn cứ khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn kể từ thời điểm nhận tiền vay.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2024, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện ngày 09/9/2024. Tuy nhiên, đến ngày 09/8/2025 nguyên đơn sửa đổi bổ sung nội dung khởi kiện và yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay tiền, việc thay đổi thời gian tính lãi này là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.4] *Về mức lãi suất:* Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự: Các bên thỏa thuận mức lãi suất 24%/năm là vượt quá quy định của pháp luật, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin giảm lãi 10%/năm nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên chưa có cơ sở giảm lãi 10%/năm.

Án sơ thẩm đã phân tích rất cụ thể các quy định để loại trừ yêu cầu của bị đơn do đó bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra thêm chứng cứ gì thêm mới nên cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí số tiền là 113.819.000 đồng làm tròn *(Một trăm mười ba triệu tám trăm mười chín nghìn),*chịu án phí đối với yêu cầu phản tố bị bác số tiền 38.934.000 *đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).* Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Án sơ thẩm ghi nhận phần này trong phần quyết định là chưa phù hợp nên có điều chỉnh phần này trong phần nhận định để đảm bảo không nhằm lẫn khi thi hành. Vì vậy, có chỉnh lại phần tuyên cho phù hợp, sai sót này không lớn nên chỉ nêu ra để rút kinh nghiệm.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí. Tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng N: Giữ Y Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đức V, bà Phan Thị L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trương Đức V, bà Phan Thị L tổng số nợ gốc và lãi là 5.818.944.658 đồng *(Năm tỷ tám trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)*. Trong đó nợ gốc là 3.596.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu đồng)*, nợ lãi là 2.222.944.658 đồng *(Hai tỷ hai trăm hai hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

Ngoài ra, ông N còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tính từ ngày 30/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Nguyên đơn được nhận lai tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 56.040.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001038 ngày 09/10/2024 và số tiền 46.691.000 đồng *(Bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002311 ngày 18/8/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do bị đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2026).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang